

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và bà Phan Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thái T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn M, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thái T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyền số 01 ngày 01/10/2012. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị L bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị L có 02 con chung tên là Trần Nhất K, sinh ngày 28/4/2015 và Trần Nhất K1, sinh ngày 22/5/2013. Hiện nay cháu K và cháu K1 đang sống với anh T. Ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu K1, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày.

Bị đơn chị L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: anh T được ly hôn với chị L; Về con chung: Giao 02 con chung cháu K và cháu K1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Nguyên đơn anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Phú yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01 ngày 01/10/2012 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị L bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho chị L để lấy lời khai và hòa giải nhưng chị L không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy chị L không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị L có 02 con chung tên là Trần Nhất K, sinh ngày 28/4/2015 và Trần Nhất K1, sinh ngày 22/5/2013. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay 02 con chung đang sống với anh T, vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các con. Ngoài ra, cháu K và cháu K1 có đơn xin tự nguyện sống với anh T. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống và nguyện vọng của các cháu nên cần tiếp tục giao cháu K và cháu K1 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thái T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thái T được ly hôn với chị Võ Thị L.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Trần Nhất K, sinh ngày 28/4/2015 và Trần Nhất K1, sinh ngày 22/5/2013 cho anh Trần Thái T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thái T không yêu cầu chị Võ Thị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Thái T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005771 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND xã .., Tp T;
- (Số 53, quyền số 01 ngày 01/10/2012)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang